

Liên minh hôn nhân giữa các dòng họ thổ ty ở miền núi phía Bắc Việt Nam

Bùi Thu Loan*

Nhận ngày 10 tháng 9 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 8 tháng 12 năm 2024.

Tóm tắt: Bài viết¹ là một phần kết quả điền dã của tác giả từ năm 2021 đến 2023 về chế độ lang đạo, phìa tạo, thổ ty ở miền núi phía Bắc Việt Nam. Cụ thể là ở các tỉnh: Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên. Chế độ “thổ ty” là hình thức cai trị kiểu cha truyền con nối ở vùng cao - vùng tộc người thiểu số. Ở Việt Nam chủ yếu được thi hành ở Đông Bắc, Tây Bắc và một số tỉnh miền Trung giáp biên giới Ai Lao (Lào) như: Thanh Hoá, Nghệ An... Trong quá trình hình thành và phát triển, các dòng họ thổ ty luôn có những cách thức để tồn tại và duy trì sức mạnh của mình đối với triều đình trung ương hay đối với các dòng họ thủ lĩnh khác xung quanh. Một trong những cách thức đó là xây dựng mối liên minh hôn nhân giữa các dòng họ quyền lực vùng miền núi.

Từ khoá: Thổ ty, tù trưởng, liên minh, hôn nhân, miền núi phía Bắc.

Phân loại ngành: Dân tộc học

Abstract: This article is a part of the fieldwork results collected by the author from 2021 to 2023 on the *lang đạo*, *phìa tạo*, *thổ ty* in the northern mountainous regions of Vietnam. Specifically, the research was conducted in Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, and Điện Biên. *Thổ ty* system refers to a hereditary form of governance in the highland and minority ethnic regions. In Vietnam, this system was primarily implemented in the Northeast, Northwest, and several central provinces bordering Laos, such as Thanh Hóa and Nghệ An. During its formation and development, *thổ ty* clans employed various strategies to maintain their power and influence over the central government and other local power groups. One of these strategies was to form matrimonial alliances between powerful clans in the mountainous regions.

Keywords: *Thổ ty*, chieftain, alliances, marriage, northern mountainous region.

Subject classification: Ethnology

1. Đặt vấn đề

“Thổ ty” các dân tộc Hmông, Thái ở Tây Bắc thường được người dân bản địa gọi với những danh xưng như “vua”, “chúa đất”, “phìa tạo”; “thổ ty” vùng Mường ở Hòa Bình, Thanh Hóa được gọi là “Lang Đạo”. Vùng dân tộc Tày - Nùng ở Hà Giang, Cao Bằng có các “Quăng”. Nguồn gốc, vai trò của thổ ty ở những xã hội khác nhau, thì có tính chất và cơ cấu tổ chức hành chính khác nhau, do các nguyên nhân về vị trí địa lý - nhân văn, địa hình... Đặc biệt, các thổ ty khu vực Tày - Nùng ở Lạng Sơn, từ triều Lê họ là những “lưu quan”, phiên thần... có quê quán ở nơi khác như Nghệ An, Nam Định... được triều đình cử lên

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: builoan51nn@gmail.com

¹ Bài viết thuộc khuôn khổ Đề tài cấp Quốc gia Trung Quốc “Chế độ Thổ ty một số quốc gia Đông Nam Á: Việt Nam, Lào, Thái Lan, Mianma”. Chủ nhiệm đề tài: Hoàng Gia Tín, Giáo sư Dân tộc học Đại học Dân tộc Quảng Tây, Trung Quốc.

vùng cao giữ trọng trách cai quản, bảo vệ biên cương. Trước nhà Lê, thì việc trấn nhậm vùng cao - biên viễn này thường là người bản xứ, vẫn được tôn xưng là các “Phiên thần thế tập”. “Thổ ty”, cách gọi này xuất hiện đầu tiên trong *Đại Nam thực lục* (chính biên) năm Minh Mạng thứ 9 (1828) (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002: 717). Chế độ này tồn tại ở vùng miền núi phía Bắc và Thanh Hoá, Nghệ An, sau có Ninh Bình... Trong suốt tiến trình lịch sử, từ vương triều Lý đến Nguyễn, các hoàng đế Đại Việt luôn đặc biệt quan tâm đến vấn đề bảo vệ vùng biên cương. Chính vì vậy, họ sử dụng các phiên thần, tù trưởng thay mặt triều đình vừa cai quản người dân trong vùng, vừa bảo vệ, giữ vững vùng “phên dậu” nước nhà. Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, chế độ thổ ty về cơ bản mới chấm dứt. Trong suốt quá trình hình thành, phát triển, các dòng họ thổ ty đã tạo dựng quyền lực chính trị bằng việc củng cố sức mạnh quân sự và nguồn lực kinh tế... Trên cơ sở đó, họ đã có được sức ảnh hưởng chính trị cả đối với triều đình trong nước và các quốc gia láng giềng. Ngày nay, nguồn gia phả của nhiều dòng họ thổ ty vẫn được lưu giữ, ghi lại dấu ấn qua các giai đoạn lịch sử đầy thăng trầm trong công cuộc duy trì chế độ, giữ vững biên cương của đất nước. Thông qua các tư liệu ghi chép, cùng với ký ức/lời kể còn truyền lại trong các thế hệ con cháu sau này, diện mạo những dòng họ thổ ty cũng được tái hiện một cách sinh động. Từ việc duy trì dòng họ, cơ cấu tổ chức xã hội đương thời... đến các mối quan hệ: giữa dòng họ với triều đình, giữa các dòng họ trong vùng và cả những cuộc trao đổi xuyên biên giới... Nghiên cứu chế độ phiên thần, thổ ty ở Việt Nam thực chất chính là việc khai thác các tư liệu xoay quanh lịch sử tồn tại và duy trì quyền lực của các dòng họ tù trưởng thế tập vùng miền núi phía Bắc, đi sâu vào các mối quan hệ đa chiều giữa các dòng họ có uy thế với triều đình quân chủ, quan hệ tương trợ, phản kháng giữa các dòng họ với nhau, quan hệ với các thế lực thổ ty phương Bắc xuyên biên giới... Qua đó thấy được cơ chế hoạt động của chế độ đặc biệt này ở những khu vực địa thế đặc biệt của quốc gia. Do vậy, đòi hỏi phải có sự thu thập thông tin dưới nhiều góc độ khác nhau chẳng hạn như tìm hiểu chính sách của chính quyền trung ương đối với các vùng đất cai quản của các tù trưởng. Song song với đó, các nghiên cứu cần xem xét những khó khăn, thách thức trong việc trực tiếp quản lý vùng cao của các tù trưởng. Chỉ có hướng tiếp cận thực tế này mới có thể đem đến những kết quả nghiên cứu chân thực và có ý nghĩa nhất, lột tả được bức tranh một thời kỳ xã hội vùng cao tồn tại chế độ tù trưởng cha truyền con nối, kế thừa quyền lực. Để đạt được kết quả nghiên cứu tốt nhất, quá trình khai thác tư liệu đòi hỏi phải được thu thập nhiều nguồn tư liệu khác nhau từ tư liệu văn bia, gia phả, thông tin truyền miệng đến việc đối chiếu với những chi tiết ghi chép trong lịch sử chính thống để phát hiện ra những sai sót cũng như thiếu hụt của các nguồn tư liệu. Từ đó bổ sung và hoàn thiện nguồn tư liệu lịch sử, mang đến cái nhìn toàn diện và đầy đủ hơn về lịch sử miền núi ở Việt Nam.

Nghiên cứu về thổ ty ở Việt Nam nói riêng đã có một số nhà khoa học đề cập đến. Từ giữa thế kỷ XX bắt đầu có những nghiên cứu về chế độ thổ ty của các học giả, bước đầu có những bài viết liên quan đến chế độ thổ ty ở các vùng miền núi phía Bắc. Các nghiên cứu chủ yếu đi theo bốn hướng chính: *Một là* trình bày và bình luận về cơ cấu hành chính dưới chế độ thổ ty có các tác giả như Nguyễn Tuấn Liêu (1962), Vũ Xuân Bân (1972), về sau có tác giả Đàm Thị Uyên (2006); *Hai là* bàn về các đặc quyền của các tù trưởng, thổ ty vùng miền núi về đất đai và chính sách cai trị có tác giả Trần Từ (1970), Hoàng Hoa Toàn (1983), Đặng Nghiêm Vạn (1987); *Ba là* nghiên cứu về lịch sử gia tộc và công lao các dòng họ thổ ty có tác giả Nguyễn Quang Huỳnh (2011); *Bốn là* trên cơ sở các văn bản Hán Nôm liên

quan về các họ thổ ty như tâu sớ, gia phả... các tác giả tiến hành dịch thuật và phân tích, xác nhận các nội dung về sắc phong cho các thổ ty, công lao và lịch sử các đời trong dòng họ. Tiêu biểu là các tác giả Trịnh Khắc Mạnh, Hoàng Giáp với hàng loạt các báo cáo nghiên cứu khoa học tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Viện Sử học. Một số kết quả nghiên cứu điển đã, tổng hợp như bản sưu tầm Sự tích thổ ty Lạng Sơn của tác giả Lã Văn Lô, báo cáo về thổ ty họ Nông tại Bảo Lạc - Cao Bằng của tác giả Lục Văn Pảo. Tất cả những báo cáo, văn bản cổ sưu tầm đều được lưu giữ tại thư viện Viện Hán Nôm. Đặc biệt, nhà nghiên cứu sử học Nhật Bản Yoshiwa Kazuki (2021) đã dành nhiều thời gian và công sức để tìm hiểu về tình hình xã hội và mối liên hệ giữa các thổ ty Lạng Sơn với chính quyền trung ương qua việc soi xét kỹ càng các tư liệu tâu sớ, gia phả, văn bản hành chính địa phương về hoạt động của thổ ty thời Lê - Trịnh. Mỗi một công trình nghiên cứu ở những góc độ khác nhau đã tạo nên những mảnh ghép lịch sử, phác họa một chế độ chính trị đặc thù của vùng miền núi phía Bắc Việt Nam, nơi địa thế trọng yếu của đất nước, phân giới lãnh thổ quốc gia.

Để thực hiện nghiên cứu này, tôi đã sử dụng một số phương pháp sau: (i). Phương pháp của sử học, dùng để khai thác các nguồn tài liệu chính sử, sắp xếp và diễn giải theo trật tự thời gian. Phương pháp này, cũng cho phép tác giả bài viết truy tầm, đánh giá, phê phán các nguồn tài liệu thành văn thu thập được tại địa bàn nghiên cứu trong quá trình điền dã; (ii). Phương pháp điền dã tộc người học, dùng để tiến hành khảo sát thực địa, quan sát - mô tả (tộc người chủ), phỏng vấn sâu - hồi cố với những cá nhân liên quan. Phương pháp này giúp cho việc khai thác những thông tin phi thành văn - nguồn tài liệu ký ức; (iii). Phương pháp so sánh, dùng để đối chiếu và chỉ ra những tương đồng cũng như khác biệt giữa hôn nhân của các dòng họ thổ ty ở Việt Nam với các dòng họ thổ ty ở Trung Hoa. Những trình bày sau đây làm sáng tỏ một khía cạnh trong mối quan hệ giữa các tù trưởng thế lực vùng cao đó là việc hình thành, duy trì và tăng cường hệ thống quyền lực thông qua liên minh hôn nhân giữa các dòng họ với nhau.

Một trong những sách lược khôn khéo của các thổ ty (tù trưởng thế tập quyền lực tại địa phương) là dùng hôn nhân để giữ mối quan hệ hoà hiếu, gắn kết lâu bền giữa các họ thổ ty với nhau. Từ đó tạo dựng thành một “liên minh chính trị” nhằm duy trì, củng cố quyền lực trong việc cai trị vùng cao - biên viễn. Trong quá trình điền dã ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc (Việt Nam), chúng tôi đã gặp gỡ con cháu của các tù trưởng, Lang đạo, thổ ty xưa như: họ Vương, họ Nguyễn Đình ở Đồng Văn (Hà Giang); họ Nông ở Bảo Lạc (Cao Bằng); họ Đinh ở Kim Bôi (Hoà Bình); họ Vi, họ Hà ở Lạng Sơn. Qua mỗi vùng đất đó, chúng tôi đã thu nhập được các nguồn tư liệu khác nhau, trong đó bao gồm những ghi chép thành văn như: gia phả, di chúc, sắc phong... và cả những câu chuyện truyền miệng - phi thành văn.

2. Liên hôn giữa họ Nông ở Bảo Lạc và họ Nguyễn ở Đồng Văn

Tới vùng Châu Bảo Lạc xưa, nay là huyện Bảo Lạc tỉnh Cao Bằng, chúng tôi gặp ông Dương Văn Tấn là chất ngoại đời thứ 6 của cụ Nông Hồng Tân - thổ ty họ Nông - cho biết: cụ ông Nguyễn Quảng Tuyên (? -1934), con trai của vị Bang tá ở Đồng Văn đã kết hôn với cụ bà Nông Thị Kinh, con gái cả của Quản đạo² Nông Hồng Tân.

² Thời Pháp thuộc, chính quyền thực dân thành lập ở miền núi phía Bắc 4 Đạo quan binh ở các tỉnh Cao Bằng, Hà Giang, Hải Ninh và Lai Châu, đứng đầu cai quản mỗi đạo gọi là Quản đạo. Gia phả họ Nông có ghi chép: năm 1895 Nông Hồng Tân được Toàn quyền Pháp phong chức Quản đạo quan đầu tỉnh Hà Giang kiêm chức Tri châu Bảo Lạc.

Gia phả họ Nguyễn thổ ty Đồng Văn³ cũng ghi rõ từ đời Tăng tổ Nguyễn Văn Thông đến đời ông Nguyễn Trần Hiếu truyền qua 5 thế hệ. Nội dung chép rằng: Nguyễn Văn Thông người tài đức, được sự gia của một thổ quan trong vùng gả con gái cho. Ông sinh được 2 con trai và 1 con gái. Con gái ông được gả cho thổ ty họ Nguyễn ở Yên Minh. Con trai cả của ông là Nguyễn Văn Thành cũng lấy vợ là con gái thổ ty⁴. Cứ như vậy trải qua 5 đời, thống kê được 10/16 cuộc hôn ước giữa họ Nguyễn làm Bang tá Đồng Văn với các họ thổ ty xung quanh như: họ Hoàng ở Bình Di⁵, họ Nông ở Bảo Lạc.

Như vậy, có thể thấy việc duy trì mối liên kết giữa các dòng họ thổ ty ở vùng Đồng Văn, Yên Minh, Bảo Lạc rất được chú trọng. Một trong những sách lược giữ vững và phát huy quyền lực các dòng họ thổ ty là thông qua hôn nhân. Các dòng họ thổ ty gả con cho nhau, vừa giúp thắt chặt thêm mối liên minh vững chắc, vừa là để đảm bảo sự hoà hợp, tương đồng về địa vị xã hội. Đây là yếu tố quan trọng tạo lên sức mạnh chính trị của dòng tộc ở một vùng đất biên giới núi non hiểm trở. Kết giao qua hôn nhân có tác dụng tích cực đối với việc thiết lập mạng lưới quyền lực khu vực và duy trì ổn định nền thống trị vùng. Bên cạnh đó, hôn nhân giữa hai dòng họ thổ ty cũng có tác dụng bảo toàn thế lực của chế độ thổ ty trong vùng, không cho phép sự can dự của những họ bình dân, có địa vị thấp hơn vào tầng lớp thống trị.

Ý thức được tầm quan trọng của việc kết giao hôn nhân, các dòng họ không những gả con gái cho họ thổ ty khác, mà còn sẵn sàng cho con trai đi nạp tế (tức ở rể) và lấy họ thổ ty khác làm họ của mình. Tiêu biểu là trường hợp ghi chép trong gia phả họ Nguyễn Đình, Bang tá Nguyễn Đình Cương có con trai là Nguyễn Đình Giai lấy vợ là con gái thổ ty họ Nông ở Bảo Lạc, do nạp tế nên lấy họ vợ và đổi tên là Nông Quảng Tuyên. Theo gia phả do ông Nguyễn Trần Hiếu lập (đã đề cập ở trên), thì tên ông được ghi là Nguyễn Quảng Tuyên, sau lấy vợ họ Nông ở Bảo Lạc, nên được bố vợ là Nông Đạo Thái (tức Tri phủ Nông Hồng Tân) đổi tên là Nông Giác Tuyên (侬确宣). Từ đó cho đến hiện nay, hai gia tộc ngăn cách bởi 100km với những cung đường đồi núi cao trùng điệp, nhưng vẫn giữ mối liên hệ họ hàng thân thích và qua lại, thăm hỏi hàng năm. Quay lại với ghi chép trong cuốn gia phả họ Nguyễn Đình, có chi tiết: Nguyễn Đình Cao⁶ (chú ruột của Nguyễn Quảng Tuyên), năm 15 tuổi gặp giặc Hà Quốc Trường đến Đông Quang hạt⁷ cướp bóc, làm loạn. Nông Đạo Thái⁸ mang 3.000 quân binh tấn công phi và người Hmông, Nguyễn Đình Cao đã xung phong làm trợ thủ cho Nông Đạo Thái, tự tay giết giặc, bình định khu vực, năm đó được phong quan. Về sau, ông này lập nhiều công, nên được triều đình phong tước đến hàm Chánh Bát phẩm.

³ Bìa cuốn gia phả ghi rõ thời gian năm kỷ mùi do ông Nguyễn Trần Hiếu lập. Vì rằng ông Nguyễn Trần Hiếu được sắc phong Tổng cửu phẩm năm Bảo Đại thứ 17 là vào năm 1932. Vậy theo suy luận có thể xác định năm Kỷ Mùi gần nhất là năm 1939.

⁴ Tác giả được tiếp cận, khai thác thông tin trong cuốn gia phả họ Nguyễn vào ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại nhà ông Nguyễn Gia Hạnh (con trai thứ 2 của Nguyễn Trần Hiếu) ở phố cổ Đồng Văn.

⁵ Bình Di là xã thuộc tổng Phú Linh, Châu Vị Xuyên vào thời Lê trung hưng đến thời Nguyễn độc lập, nay thuộc khoảng các hương trấn Thiên Bảo, Ma Lật Pha của Trung Quốc.

⁶ Con trai của Nguyễn Đình Lượng, tức chú của Nông Quảng Tuyên.

⁷ Theo *Đồng Khánh địa dư chí*, Đông Quang là một tổng thuộc huyện Đề Định. Trước năm Minh Mạng, tổng Đông Quang thuộc Châu Bảo Lạc. Sau khi dẹp được cuộc khởi nghĩa của Nông Văn Vân, vua Minh Mạng bỏ Châu Bảo Lạc và chia làm hai huyện là huyện Vĩnh Điện và huyện Đề Định (Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin, 2003: 871).

⁸ Tức Nông Hồng Tân - Tri châu Bảo Lạc thời Nguyễn.

Như vậy, ta có thể thấy được, hai dòng họ thổ ty trước khi xây dựng quan hệ thông gia với nhau, cũng đã luôn tương trợ lẫn nhau trong công cuộc chống lại các thế lực thù địch, bảo vệ lãnh địa của mình. Sau khi thiết lập quan hệ thông gia, thì mối liên minh càng mật thiết, hỗ trợ cho quá trình thăng tiến và phát triển dòng họ. Theo gia phả họ Nông ở Bảo Lạc có ghi chép: năm 1915, Nông Quảng Tuyên được đề bạt lên chức Tri châu Bảo Lạc nổi nghiệp cha vợ, thì cũng năm đó ở Đồng Văn, Hà Giang, bố đẻ ông là Nguyễn Đình Cương cũng nhận chức Bang tá coi quản mọi sự việc ở Đồng Văn⁹.

Hiện nay, trên khu mộ tổ dòng họ Nguyễn ở Đồng Văn còn ngôi mộ của cụ bà Hoàng Thái Từ, tức Hoàng Thị Thi (tên được ghi trong gia phả). Bà là con gái họ Hoàng thổ ty, nên phần mộ làm bằng đá phiến, quy mô bề thế và được trạm khắc rất công phu. Kiến trúc mái vòm 3 tầng, chiều cao 2,2m, trước bia mộ là hai cột đá nối từ mái xuống, dưới chân cột chạm khắc đầu nghê uy nghi. Bên cạnh bia mộ nằm ở chính giữa, còn có các bia bên trái - phải khắc thơ và câu đối đi kèm hoa văn điêu khắc rất tỉ mỉ. Trên bia mộ khắc nội dung:

建生于壬寅年吉月吉日吉时
皇朝待贈前保乐东光总世袭土司阮门正室黃太慈太后
长子廷纲，长孙振邦、振贵、振琛、振全、振平
振双、振福、振云、振孝，曾孙家林、

Tạm dịch: *Hoàng Thái Từ chính thất của thổ ty họ Nguyễn tổng Đông Quang, Bảo Lạc, đang đợi hoàng triều phong tặng Thái hậu. Sinh ngày lành tháng tốt năm Nhâm Dần. Con trai trưởng là Đình Cương, cháu trưởng Trấn Bang, Trấn Quý, Trấn Thâm, Trấn Toàn, Trấn Bình, Trấn Song, Trấn Phúc, Trấn Vân, Trấn Hiếu, chắt nội Gia Lâm,...*

Có thể thấy rằng, tù trưởng, chúa đất hay thổ ty là những nhân vật có thế lực lớn trong vùng, nắm quyền sinh quyền sát đối với các nhóm cư dân sinh sống trong địa bàn họ quản trị. Do vậy, hôn nhân trong các dòng họ chắc chắn không thể là những tập tục thông thường, mà nó luôn mang trong đó những mục đích chính trị rất rõ ràng. Hôn nhân giữa những họ thổ ty là khởi đầu cho cuộc cải cách - điều chỉnh cơ cấu bộ máy và quan hệ thống trị (Vương Tài Đạo, 2019: 26-31) của một khu vực. Thực tế, có rất nhiều cách thức để thiết lập mạng lưới quyền lực như: thông qua trao đổi thương mại, tôn giáo - tín ngưỡng. Tuy nhiên, cách thức liên minh qua hôn nhân là có tác dụng và hiệu quả hơn cả. Đây là cách thức dễ dàng để giữ hoà khí cũng như nâng cao tình cảm và quan hệ họ hàng khăng khít trong tầng lớp thống trị. Đây là nghệ thuật ngoại giao khôn khéo và văn minh, không có bạo lực để thiết lập lên cái gọi là “liên minh chính trị huyết thống” (Cù Châu Liên, Cù Hoàng Châu, 2012: 29-49).

3. Vấn đề hôn nhân trong dòng họ Ma Doãn ở Chiêm Hóa

Hôn nhân các họ thổ ty cũng là một minh họa sống động cho quan niệm “môn đăng hộ đối” thời quân chủ ở Việt Nam. Tinh thần này được vận dụng khá triệt để trong tầng lớp thống trị vùng tộc người thiểu số. Bên cạnh họ Nguyễn Đình, còn có các dòng họ khác như Ma Doãn thủ lĩnh châu Đại Man (nay là Chiêm Hoá, Tuyên Quang). Anh Ma Doãn Dự, cháu đời thứ 9 của ông Ma Doãn Công Huýnh, cai quản châu Đại Man thời Hậu Lê kể lại: các cụ họ Ma Doãn xưa không được lấy vợ người Tày trong vùng, mà chỉ được phép lấy con gái người Kinh và người Hoa. Đây là những tộc phát triển và có trình độ học vấn cao hơn người

⁹ Tác giả được tiếp cận, khai thác thông tin trong cuốn gia phả bản chữ quốc ngữ của dòng họ Nông vào ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại nhà ông Dương Văn Tân ở trung tâm thị trấn Bảo Lạc.

Tày thứ dân ở trong vùng. Qua chi tiết này, quan niệm về giai tầng xã hội cũng được thể hiện rõ, đó là sự phân biệt tầng lớp trên (nhóm cai trị) với tầng lớp dưới (nhóm bình dân) trong xã hội thổ ty.

4. Liên hôn giữa hai nhóm tộc người Thái ở Tây Bắc

Lại dẫn thêm trường hợp về liên kết hôn nhân ở vùng Thái trắng ở Tây Bắc trong những năm người Pháp cai trị. Sau khi thành lập xứ Thái tự trị năm 1948, Pháp phân chia khu vực tả ngạn sông Đà từ Phù Yên qua Quỳnh Nhai (Sơn La) lên đến Lai Châu cho Đèo Văn Long thống lĩnh - quản trị. Địa phận từ hữu ngạn sông Đà tới tả ngạn sông Mã, từ Mộc Châu lên Tuần Giáo (phần lớn địa bàn tỉnh Sơn La ngày nay) thuộc quyền cai quản của Bạc Cầm Quý. Dựa vào sự bảo trợ của người Pháp, Đèo Văn Long đã lạm quyền, cử các quan Bang tá người Thái trắng xuống cai trị Thái đen thuộc khu vực kiểm soát của Bạc Cầm Quý. Điều này đã dẫn đến những mâu thuẫn về quyền lực giữa Bạc Cầm Quý và Đèo Văn Long. Hay được hiểu là, thế lực chính trị vùng này đã can thiệp vào quyền quản trị lãnh địa của vùng khác. Nên Bạc Cầm Quý có ý định kéo binh lính người Thái đen lên tấn công “vua” Đèo Văn Long. Trước tình hình này, để hóa giải áp lực xung đột, viên quan Tây (người Pháp) đã bày mưu xui Đèo Văn Long kết thông gia với Bạc Cầm Quý. Để hai họ Thái trắng, Thái đen ấy trở thành “người một nhà”, cho xứ Thái tự trị yên ổn, giúp chính quyền thực dân thuận lợi cai trị. Con trai Đèo Văn Long là Đèo Ba Phát xuống Sơn La làm rể của Bạc Cầm Quý. Đi cùng với Đèo Ba Phát, cả đại đội lính cũng theo xuống Sơn La ở/gửi rể lấy vợ người Thái đen. Trên cơ sở cuộc hôn nhân chính trị này, quan hệ qua lại giữa vua Thái đen và Thái trắng trở nên thân thiện, nhờ đó mà quan lại trong khu tự trị người Thái dễ dàng được bổ nhiệm hai chiều, đôi bên hoà hợp, không còn xảy ra tình trạng xung đột như trước nữa (Nguyễn Tuấn, 2003: 676-667).

Như vậy có thể thấy, biện pháp liên minh hôn nhân là cách thức giải quyết mâu thuẫn, nâng cao tính gắn kết, tăng cường sức mạnh của thế lực vùng rất hiệu quả. Nó khiến cho hai lãnh chúa Thái trắng và Thái đen đang từ mâu thuẫn, chuyển sang thế hoà hảo, gắn kết, thân thiện.

5. Vấn đề hôn nhân của thổ ty người Mường ở Hòa Bình

Ở vùng người Mường (Hoà Bình), gia phả dòng họ Đinh¹⁰ làm Lang ở Mường Động¹¹ từ thời nhà Trần đến nhà Nguyễn, cho biết: các cuộc hôn nhân được ghi chép lại đều thực hiện giữa các dòng họ Lang với nhau. Dòng Lang họ Đinh chỉ lấy vợ, lấy chồng là các họ Lang bên cạnh cùng đẳng cấp. Trải qua 20 đời có tổng 43 cuộc hôn nhân giữa Lang họ Đinh với họ Quách, Bạch, Hoàng và họ Đinh khác phái. Đây đều là những họ nhà Lang lớn trong bốn Mường: Mường Bi, Mường Vang, Mường Thàng, Mường Động. Các quan lang thường lấy từ 3 đến 6 vợ, nhưng trong đó chính thất luôn là con gái nhà Lang họ khác. Còn lại, vợ bé

¹⁰ Tác giả được tiếp cận gia phả họ Đinh bản chữ Hán trên giấy dó tại nhà riêng ông Đinh Công Dũng ở Kim Bôi, Hoà Bình vào 25 tháng 8 năm 2023. Bản gia phả được Đinh Công Bằng đời thứ 12 dòng họ Lang Mường Động đã lập và ký vào bản thừa sao ngày 25 tháng 5 năm Ất Dậu (1756) đời Cảnh Hưng Lê Hiến Tông năm thứ 25.

¹¹ Trong xứ Mường ở Hòa Bình, truyền thống xa xưa phân chia thành “Tứ Mường”, gồm có: Mường Bi (Tân Lạc), Mường Vang (Lạc Sơn), Mường Thàng (Cao Phong), Mường Động (Kim Bôi); chi tiết này cũng giống với xứ Thái (Tây Bắc) cũng phân chia thành: Mường Thanh (Điện Biên), Mường Lò (Nghĩa Lộ), Mường Than (Than Uyên), Mường Tấc (Sơn La).

có thể là con gái nhà Lang hoặc con gái nhà thường dân họ Bùi¹². Từ đời thứ nhất, cụ thượng tổ Đình Công Lệnh sinh vào thời vua Trần Dụ Tông (1341-1369), đến đời thứ 19 sinh vào cuối thế kỷ XIX - là thế hệ những quan Lang cuối cùng trong vùng, các ông đều có chính thất là con gái nhà Lang. Cho đến đầu thế kỷ XX, chế độ nhà Lang suy yếu dần và bắt đầu xuất hiện các cuộc hôn nhân một vợ một chồng trong dòng họ Đình. Đồng thời trong số đó, có các cuộc hôn nhân với con cháu họ Bùi và xuất hiện các cuộc hôn nhân với người ngoài các xứ Mường. Gia phả có đoạn ghi chép thông tin về ông Đình Công Thịnh, vào năm 1919 được thăng đến chức Án Sát tỉnh Hoà Bình. Về hôn nhân, ông Thịnh lấy vợ là Bạch Thị Truất, con gái nhà Lang họ Bạch. Sau khi cưới vợ, với tài năng của bản thân cộng với sự nâng đỡ của ông cậu bên vợ là Đình Công Xuân (đương chức Lãnh binh tỉnh Phương Lâm¹³), nên đường công danh vô cùng khoáng đạt. Thực tế cho thấy, quan lang thuộc các dòng họ Đình, Quách, Bạch, Hoàng vùng Mường Hoà Bình thường xuyên có mối liên kết với nhau trong các sự kiện lịch sử của vùng đất hoặc đất nước. Tiêu biểu là cuộc nổi dậy của Lê Duy Lương (1816-1844), có sự tham gia của nhà Lang họ Quách và họ Đình, họ đồng lòng chống lại nhà Nguyễn (Phan Quang, 1985: 64-70).

6. Liên hôn của các dòng họ thổ ty ở Lạng Sơn

Như vậy, có thể thấy trong xã hội thổ ty trước kia ở vùng miền núi phía Bắc, người con gái trong gia tộc quyền thế cũng có vị thế nhất định trong dòng họ. Tuy có quan điểm cho rằng, những cô con gái con nhà dòng dõi chính là “vật hi sinh” (Vương Tài Đạo, 2019: 26-31) cho những cuộc “hôn nhân chính trị”. Song xét cho cùng, những người con gái này có kết hôn vì mục đích chính trị hay không, thì họ vẫn luôn luôn được tôn trọng. Trong đó, có không ít bậc phu nhân thuộc dòng họ thổ ty được triều đình ban phẩm hàm, như cụ Hà Quý Thị phu nhân của Thổ tri phủ Vi Thế Tuân - châu Lộc Bình (Lạng Sơn) (đời thứ 11 dòng họ Vi thổ ty), được vua Nguyễn phong tặng Chính Tam phẩm thực nhân¹⁴. Đến đời thứ 12 - ông Vi Văn Lý, lấy vợ cả là Nông Quý Thị thuộc họ Nông, thổ ty Lạng Sơn. Đời thứ 13 - Tổng đốc Vi Văn Định lấy vợ cả là bà Hà Thị Bạch, con gái thổ ty họ Hà. Có thể thấy rằng, lịch sử luôn ghi nhận vai trò của những công chúa, quận chúa hay con gái các dòng “đanh gia vọng tộc” khác, họ chính là người không thể thiếu trong việc gây dựng mối quan hệ hoà hiếu giữa các thế lực chính trị khác nhau. Từ đây, hình thành mạng lưới liên minh gắn bó chặt chẽ hơn, tạo nên sức mạnh vùng to lớn, bền vững đời này qua đời khác. Vào thời Pháp thuộc, thế hệ con gái, cháu gái cụ Vi Văn Định có kết hôn với các nhà tri thức nổi danh như: con gái cả của cụ Vi Văn Định là bà Vi Kim Thành (sinh ngày 12/12/ Tân Sửu - 1901), lấy chồng là ông Dương Thiệu Chỉnh, Bô chánh, quê tại Văn Đình, phủ Ứng Hoà, Hà Đông; bà Vi Kim Ngọc (sinh ngày 12/1/ Bính Thìn, 1916) là con thứ 3 của cụ Vi Văn Định, lấy chồng là ông Nguyễn Văn Huyền, Bộ trưởng Bộ Giáo dục (là người giữ cương vị Bộ trưởng trong thời gian dài nhất 28 năm từ năm 1946 đến năm 1975); bà Vi Kim Phú (sinh ngày 10/11/ Mậu Ngọ - 1918), lấy chồng là ông Hồ Đắc Di - Hiệu trưởng trường Đại học Y, kiêm Giám đốc Bệnh viện Đồn Thủy (nay là Bệnh viện Quân đội 108). Bà Vi Nguyệt Hồ (con gái của ông

¹² Trong xã hội nhà Lang ở Hoà Bình, họ Bùi là họ thứ dân.

¹³ Tên tỉnh Hoà Bình từ 1888 đến 1896. Chức Lãnh binh thời Nguyễn thuộc ngạch võ quan, hàm quan chánh tam phẩm, người chỉ huy quân sự đứng đầu một tỉnh.

¹⁴ Ghi chép trong Vi gia thế phả, tác giả được tiếp cận, khai thác thông tin trong gia phả dòng họ Vi vào ngày 15 tháng 8 năm 2021 tại nhà ông Vi Văn Đài (cháu đời thứ 14 của dòng họ Vi) ở Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Vi Văn Diệm là con trai trưởng của cụ Vi Văn Định), lấy chồng là Bác sĩ Tôn Thất Tùng, Giám đốc Bệnh viện Phủ Doãn (nay là Bệnh viện Hữu nghị Việt - Đức).

Đáng lưu ý là, các dòng họ này tuy đã trải qua nhiều đời, nhưng cho đến ngày nay, họ vẫn giữ truyền thống giao kết thân tộc sâu đậm. Ông Vi Văn Đài, cháu nội vị thổ ty Vi Văn Định cho biết: “Hàng năm, con cháu họ Hà ở Văn Quan vẫn mời chúng tôi tham gia lễ giỗ tổ và họ Vi chúng tôi mỗi lần về nhà thờ tổ họ Vi cũng đều mời họ Hà đến chung vui”. Ông Dương Văn Tấn, cháu ngoại dòng họ Nông hiện sinh sống tại thị trấn Bảo Lạc cũng cho hay: “Năm nào con cháu họ Nông ở Bảo Lạc và họ Nguyễn ở Đồng Văn cũng tổ chức những buổi gặp mặt, liên hoan. Hai họ luôn giữ mối thân tình suốt từ thời cha ông cho tới nay, không những thế còn hết lòng tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống và công việc”.

7. Kết luận

Có thể thấy rằng trong xã hội tồn tại chế độ tù trưởng, phiên thân thế tập luôn tồn tại một phương thức duy trì và củng cố mạng lưới quyền lực bằng phương thức liên minh hôn nhân, giúp nâng cao tính gắn kết giữa các dòng họ thủ lĩnh ở gần nhau. Nhờ vậy, các dòng họ tương trợ lẫn nhau trong mọi mặt kinh tế, chính trị, quân sự... Trong đó, các thành viên trong dòng họ mang trong mình vai trò nhất định, là sứ giả hay thậm chí là trở thành “vật hi sinh” trong công cuộc xây dựng khối quyền lực ở vùng cao. Về vấn đề này, cần có những khảo cứu chuyên sâu hơn để làm rõ tính chất của mỗi cuộc hôn nhân, bao gồm bối cảnh, nguyên nhân và tính tự nguyện trong hôn ước. Từ đó đánh giá vai trò của các nhân vật chính đối với sự nghiệp của gia tộc quyền quý của họ.

Qua nghiên cứu này, tác giả bài viết cũng đồng quan điểm với một số học giả của Trung Quốc: Trong nghiên cứu về thổ ty, cần có sự kết hợp các tài liệu dân gian như văn bia và gia phả cộng với sự đối sánh với các nguồn lịch sử chính thống hay những ghi chép thực địa về cùng một sự kiện. Từ đó, chúng ta mới có thể tìm ra những điểm kết nối giữa các tài liệu và bổ sung thêm những thông tin lịch sử ẩn giấu đằng sau văn bản (Vương Tài Đạo, 2019: 31; Hoàng Gia Tín, 2007: 4). Trên cơ sở đó, chúng ta hoàn toàn có thể sửa chữa nội dung ghi chép sai lệch trong lịch sử chính thống hay trong tư liệu dân gian, khôi phục lại bộ mặt thật của lịch sử và tìm kiếm câu trả lời cho các vấn đề. Chỉ bằng cách này, chúng ta mới có thể đi sâu vào hoạt động nội tại của thổ ty, nghiên cứu cấu trúc bên trong của mỗi thổ ty và lối sống xã hội bản địa đương thời. Chúng ta cũng có thể mở rộng các lĩnh vực nghiên cứu về thổ ty và cải thiện hệ thống lý thuyết trong nghiên cứu đối tượng này. Xem xét những thay đổi trong mối quan hệ nội bộ giữa các gia tộc quyền thế vùng cao từ góc độ nhân học lịch sử là điểm khởi đầu và đích đến của nghiên cứu chế độ thổ ty nói riêng và nghiên cứu lịch sử miền núi nói chung.

Tài liệu tham khảo

Cù Châu Liên, Cù Hoàng Châu. (2012). Nhìn vào mối quan hệ các thổ ty từ góc độ hôn nhân giữa các họ thổ ty - Cuộc khảo sát dựa trên các bản khắc bia đá tại thành cổ Vĩnh Thuận. *Tạp chí Đại học Sư phạm Văn Nam*. Quyển 4. Kỳ 2, 29-49.

Đàm Thị Uyên. (2006). Tầng lớp Thổ ty của người Tày ở Cao Bằng đầu thế kỷ XX. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*. Số 4.

Đàm Thị Uyên, Phùng Thị Sinh. (2010). Tổ chức xã hội của người Mông ở Đồng Văn (Hà Giang) trước Cách mạng tháng Tám 1945. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*. Số 6.

Đặng Nghiêm Vạn. (1987). Về vai trò của chúa đất trong xã hội tồn tại chế độ Thổ ty, Lang đạo, Phìa tạo (cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX). *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*. Số 5.

Hoàng Gia Tín. (2007). *Nghiên cứu chế độ Thổ ty và chính sách cải tổ quy lưu ở vùng dân tộc Choang*. Nxb. Đại học Công nghiệp Hợp Phì, Trung Quốc.

Hoàng Hoa Toàn. (1983). Sở hữu tập thể của ruộng bản và sở hữu của Thổ Ty đối với ruộng đất vùng Tày. *Tạp chí Dân tộc học*. Số 1.

Lê Ngọc Thắng. (1993). Thiết chế xã hội cổ truyền các dân tộc ít người ở Việt Nam - Loại hình và thông số. *Tạp chí Khoa học*. Số 6.

Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin. (2003). *Đồng Khánh địa dư chí*. Nxb. Thế giới.

Nguyễn Minh Tường. (2017). *Chính sách đối với dân tộc thiểu số của nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)*. Nxb. Khoa học xã hội.

Nguyễn Quang Huynh. (2011). *Thổ ty Lạng Sơn trong lịch sử*. Nxb. Văn hoá dân tộc.

Nguyễn Tuân. (2003). *Tuyển tập*. t.1. Nxb. Văn học.

Nguyễn Tuấn Liêu. (1962). Mấy nét về tình hình và nhận xét về chế độ Quảng trong dân tộc Tày ở Hà Giang. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*. Số 44.

Nhiều tác giả. (1993). *Đại Việt Sử ký toàn thư*. Nxb. Khoa học xã hội.

Phan Quang. (1985). Khởi nghĩa Lê Duy Lương. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch Sử*. Số 5.

Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam Thực lục*. t.2. Nxb. Giáo dục.

Trần Từ. (1970). Góp phần tài liệu điền dã về chế độ nhà Lang: xung quanh các hình thức khai thác ruộng Lang. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*. Số 133.

Triệu Lượng. (2022). Đánh giá và tổng kết nghiên cứu về hôn nhân giữa các dân tộc. *Hội thảo Tây Mông Cổ*. Số 1.

Vương Tài Đạo. (2019). Phép tắc văn hoá: Hôn nhân thổ ty và sự cân bằng chính trị khu vực - Trường hợp thổ ty Tổ Quan Doanh. *Tạp chí Học viện Dân tộc Tứ Xuyên*. t.28. Kỳ 3.

Yoshikawa Kazuki. (2012). Tình hình xã hội và tù trưởng bản địa ở trấn Lạng Sơn vào thế kỷ XVIII. *Tạp chí Nghiên cứu Hán Nôm*. Số 1 (164).